BMSC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Diễn biến thị trường ngày 10.03.2017

Trong buổi sáng, VN-Index đã có lúc tăng nhẹ đầu phiên nhờ các cổ phiếu ngân hàng, nhưng các cổ phiếu này đã cùng nhau giảm điểm trong phiên chiều gây áp lực lên chỉ số, kết thúc phiên giao dịch VN-Index giảm xuống còn 712,21 điểm (-0,5%). Ở chiều ngược lại, HNX-Index và UPCOM-Index đều tăng điểm: HNX-Index tăng lên 88,13 điểm (+0,48%), UPCOM-Index tăng lên 57,67 điểm (+0,76%).

Khối ngoại bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên sàn HNX. Trên sàn HOSE bán ròng 4 triệu cổ phiếu (giá trị: 36 tỷ đồng), mua ròng HPG (69 tỷ đồng), VNM (21 tỷ đồng); bán ròng DXG (74 tỷ đồng), VJC (28 tỷ đồng), VIC (25 tỷ đồng). Mua ròng sàn HNX 1,5 triệu cổ phiếu (giá trị: 22 tỷ đồng).

Chỉ số VN-Index đã điều chỉnh mạnh trong phiên chiều phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước các thông tin kinh tế vĩ mô. VN-Index trong tuần tiếp theo có thể điều chỉnh điểm tiếp tục trước những thông tin tác động như giá dầu, FED có thể tăng lãi suất và xu hướng bán ròng của khối ngoại. Thị trường kỳ vọng diễn biến tích cực từ những dự báo kết quả kinh doanh trong quý I của các công ty.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	712,21	88,13
% thay đổi	-0,50%	0,48%
Tổng KLGD (triệu CP)	197,43	48,83
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3.517,88	580,13
KL Dư mua (triệu CP)	171,89	43,21
KL Dư bán (triệu CP)	166,5	34,12
Giao dịch nước ngoài	**HOSE**	**HNX**
KL mua (triệu CP)	6,3	2,19
KL bán (triệu CP)	10,4	0,67
GT mua (tỷ đồng)	252,83	32,84
GT bán (tỷ đồng)	288,89	10,35
KL mua/bán ròng (triệu CP)	-4,1	1,52
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	-36,06	22,49
Chỉ số thị trường	**HOSE**	**HNX**
P/B	4,58	1,64
P/E	16,7	11,22
Beta	0,94	0,83
ROE	20,65%	14,87%
ROA	10,64%	6,14%

Ngành xây dựng: ROS (+1,3%), FLC (+3,92%), DXG (+1,09%), HBC (+2,03%); cùng các mã HPG (+0,24%), VJC (+0,31%), FPT (1,1%) tăng điểm tốt. Tuy nhiên, lực đỡ này không đủ mạnh để giữ điểm trong phiên. Tác động giảm điểm VN-Index đến từ các cổ phiếu ngành bia là SAB (-2,31%), BHN (-1,8%); ngành dầu khí là GAS (1,76%), PVT (-1,93%); ngành phân đạm là DPM (-1,81%), DCM (-1,75%) và mã VNM (-0,46%).

Cổ phiếu ngân hàng có sự phân hóa khi: các mã ACB (+1,28%), EIB (+0,93%), VIB (+1,16%) tăng điểm, các mã VCB (-0,79%), BID (-1,49%), CTG (-1,09%), MBB (-1,03%) giảm điểm và các mã còn lại giữ mức giá tham chiếu. Cặp cổ phiếu HAG và HNG đã có phiên giao dịch tích cực: HAG (+0,48%) giao dịch 5,7 triệu cổ phiếu, HNG (+0,75%) giao dịch 1,3 triệu cổ phiếu.

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

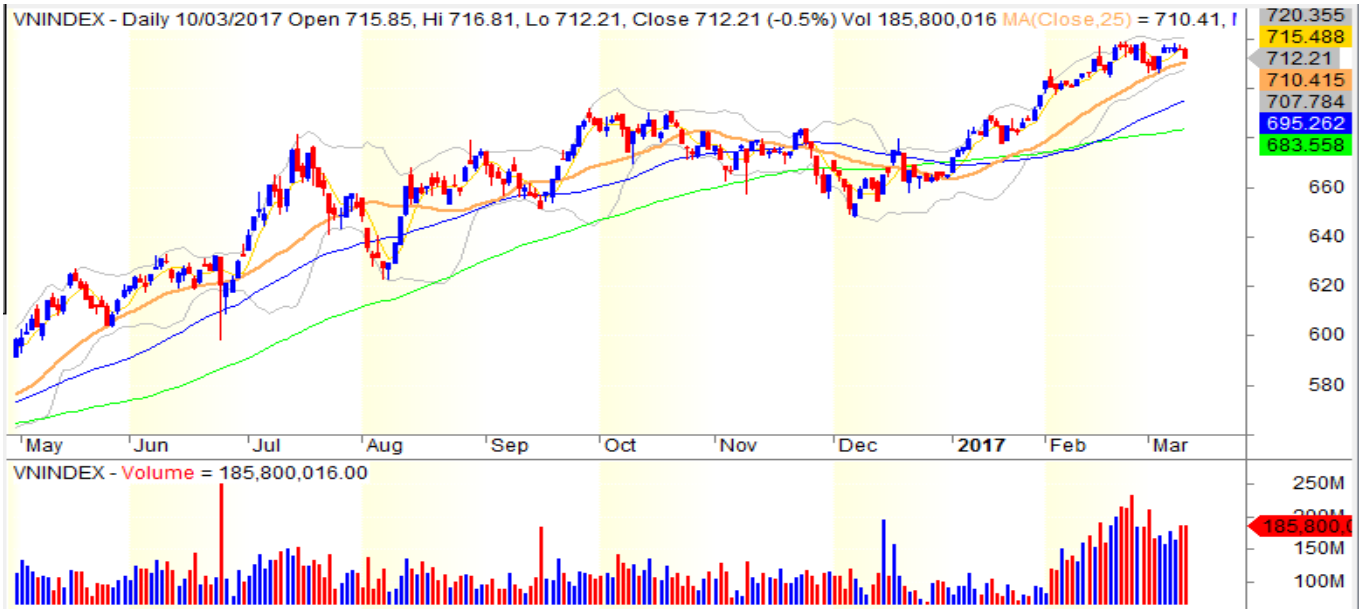

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số giữ ở mức tiêu cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 710 điểm (MA5-10) và kháng cự tại 715 điểm.

HNX-Index

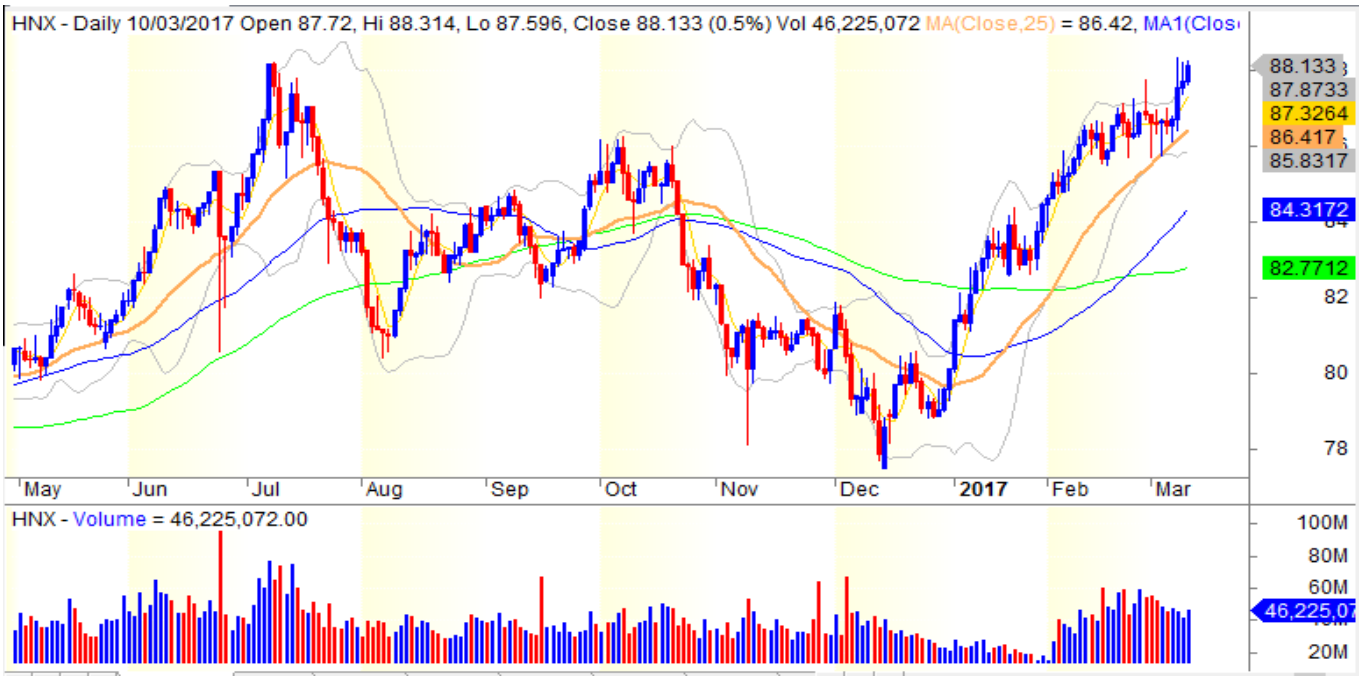

HNX-Index tăng điểm liên tiếp nhiều phiên. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số cho thấy sự giằng co ở cột mốc 88 điểm và chỉ số có thể giảm nhẹ về vùng hỗ trợ gần nhất 87 điểm.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index

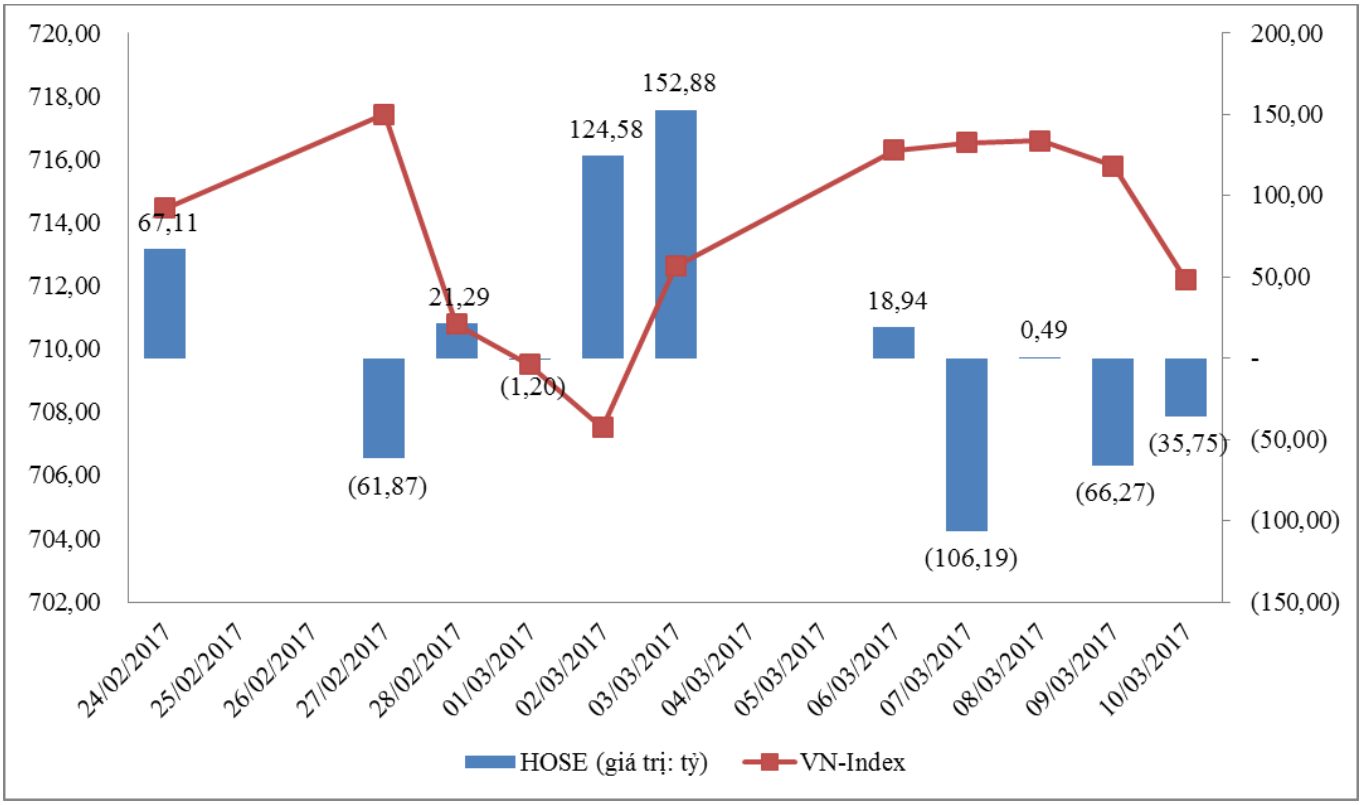

Điểm tin doanh nghiệp

Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) vừa gửi thông báo đăng ký mua vào 3 triệu cổ phiếu VNR của Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare). Giao dịch dự kiến thực hiện theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh từ 14/3 đến 12/4/2017. Hiện BVIF đang sở hữu gần 6,49 triệu cổ phiếu VNR, đây là số cổ phiếu BVIF mua vào trong khoảng thời gian cuối thàng 1 đầu tháng 2/2017 vừa qua. Lúc đó BVIF đăng ký mua tổng cộng 8 triệu cổ phiếu nhưng chỉ mua được gần 6,5 triệu cổ phiếu do điều kiện thị trường không phù hợp. So với thời điểm BVIF mua vào 6,5 triệu cổ phiếu VNR trước đó, thì hiện giá cổ phiếu này đã tăng khá mạnh, lên trên 24.500 đồng/cổ phiếu. *(trích nguồn: cafef.vn)*

CTCP Tập đoàn Hoa Sen vừa quyết định triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ chủ chốt và CBCNV có thâm niên nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Tập đoàn. Theo đó, Hoa Sen Group thông qua chủ trương phát hành hơn 3,46 triệu cổ phiếu ESOP tương ứng tỷ lệ phát hành 1,76% chào bán cho cán bộ chủ chốt và cán bộ công nhân viên có thâm niên tại Tập đoàn. Giá trị phát hành theo mệnh giá trên 34,6 tỷ đồng. Thời gian phát hành dự kiến trong tháng 4/2017. Giá phát hành được xác định là 10.000 đồng/cổ phiếu. Hiện trên thị trường, cổ phiếu HSG của công ty đang giao dịch quanh mức giá 47.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy, số cổ phiếu ESOP nói trên có giá trị trên 160 tỷ đồng. *(trích nguồn: cafef.vn)*

Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa vừa gửi thông báo giao dịch cổ phiếu SBT của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Theo đó, công ty Đường Biên Hòa – Ninh Hòa đăng ký bán toàn bộ hơn 10,89 triệu cổ phiếu SBT đang sở hữu để cơ cấu danh mục đầu tư. Giao dịch dự kiến thực hiện từ 15/3 đến 13/4/2017. Cổ phiếu SBT vừa giảm sâu về quanh mốc 24.000 đồng/cổ phiếu, tạm tính theo giá này, thì quy mô thoái vốn của Đường Biên Hòa – Ninh Hòa tại SBT lên tới 260 tỷ đồng. *(trích nguồn: cafef.vn)*

Điểm tin kinh tế

Theo Bộ Công Thương, 2 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản ước đạt 3,2 tỉ USD, tăng 9,9% so với cùng kỳ và chiếm tỉ trọng 11,4% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh một số mặt hàng có kim ngạch tăng, các mặt hàng gạo, hạt tiêu, sắn và sản phẩm từ sắn lại giảm khá mạnh so với cùng kỳ. Hầu hết mặt hàng trong nhóm nông, lâm, thủy sản đều có lượng xuất khẩu giảm. Theo Bộ Công Thương, sự sụt giảm về lượng của nhiều mặt hàng trong nhóm này cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam đang bị cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường xuất khẩu, đặc biệt là từ Campuchia, Philippines, Bangladesh, Pakistan. Đồng thời, một số thị trường xuất khẩu ngày càng gia tăng các tiêu chuẩn đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam như thủy sản, gạo, rau quả… Chẳng hạn, Hàn Quốc yêu cầu tôm nhập khẩu phải thực hiện kiểm dịch, Úc vẫn tiếp tục lệnh tạm ngừng nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ Việt Nam… đã ảnh hưởng đến xuất khẩu của các doanh nghiệp. Dù kim ngạch xuất khẩu thủy sản vẫn tiếp tục tăng nhưng chủ yếu là do giá tăng. Xuất khẩu gạo cũng sụt giảm mạnh do tác động kép từ việc thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc thiết lập tiêu chuẩn nhập khẩu gạo từ các nước ASEAN. Đồng thời, Thái Lan xả gạo tồn kho làm giảm giá gạo thế giới. Kim ngạch xuất khẩu gạo 2 tháng đầu năm chỉ đạt 328 triệu USD, giảm cả về lượng và giá trị, trong đó lượng giảm 19,5% và giá trị giảm tới 21,4%. *(trích nguồn: cafef.vn)*

Tuần qua là một tuần đầy biến động đối với dầu thô khi lần đầu tiên trong vòng 3 tháng, giá của mặt hàng này giảm xuống dưới mức 50 USD/thùng. Tuy nhiên, các chuyên gia dự báo, nếu OPEC kéo dài thời gian của hiệp ước cắt giảm đến cuối năm, giá dầu sẽ tăng mạnh lên mức 60 USD/thùng. Chuyên gia phân tích địa chính trị tại Energy Aspects cho biết "Chúng ta có thể thấy giá dầu WTI giảm mạnh trong những năm 1940. Tuy nhiên, giá dầu lại được tái cân bằng ngay sau đó. Nếu OPEC kéo dài thời hạn thỏa thuận cắt giảm, giá dầu có thể chạm mức 60 USD/thùng cuối năm nay". Giá dầu giảm mạnh trong phiên giao dịch hôm thứ Tư (8/3) và thứ Năm (9/3) sau khi Cơ quan Quản lý Thông tin Năng lượng công bố trữ lượng dầu của Mỹ đã tăng tới 8,2 triệu thùng chỉ trong vòng một tuần lên mức 528,4 triệu thùng. *(trích nguồn: ndh.vn)*

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.03.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FLC	7,95	3,92	42.523.250	336.458
2	ITA	4,22	0,24	16.103.520	68.171
3	OGC	1,40	(2,78)	6.834.960	10.132
4	HQC	2,56		6.794.410	17.425
5	HPG	42,10	0,24	6.007.990	255.096
6	FIT	5,00	2,04	5.980.740	30.034
7	HAG	8,34	0,48	5.736.950	48.052
8	DXG	18,60	1,09	5.254.100	97.989
9	ROS	171,20	1,30	3.768.730	640.845
10	BHS	11,40	5,56	3.758.800	42.594

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HKB	4,90	8,89	4.304.284	20.611
2	ACB	23,70	1,28	3.996.520	95.119
3	KLF	2,80	(3,45)	3.598.187	10.208
4	VCG	16,00	0,63	2.969.342	47.776
5	SHB	5,10		2.363.880	12.052
6	HUT	14,20		2.042.951	29.003
7	TVC	12,50	(5,30)	1.570.000	20.712
8	SVN	3,10	6,90	1.528.500	4.559
9	SHN	10,30		1.496.016	15.471
10	PVS	17,70	0,57	1.313.271	23.054

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	BHS	11,40	5,56	3.758.800	42.594
2	NLG	25,40	5,39	650.190	16.061
3	REE	27,00	4,65	2.465.120	65.840
4	KSH	2,29	4,57	2.639.300	6.127
5	HDG	30,10	4,51	203.560	6.075
6	FLC	7,95	3,92	42.523.250	336.458
7	HT1	20,15	3,87	483.940	9.710
8	C32	54,50	3,22	520.550	28.015
9	DLG	2,95	2,43	3.086.210	9.026
10	KDC	37,30	2,19	215.030	7.969

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	GTN	21,80	(6,84)	1.496.570	33.384
2	ATG	2,60	(6,81)	372.510	983
3	HCD	8,08	(4,27)	398.340	3.248
4	LDG	8,45	(2,87)	370.440	3.209
5	OGC	1,40	(2,78)	6.834.960	10.132
6	KSA	1,85	(2,63)	1.264.090	2.408
7	SAM	8,63	(2,15)	564.810	4.926
8	PVT	12,70	(1,93)	743.820	9.467
9	TCM	21,30	(1,84)	331.280	7.163
10	NTL	10,80	(1,82)	592.160	6.429

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HKB	4,90	8,89	4.304.284	20.611
2	HNM	6,30	8,62	232.080	1.440
3	S99	5,20	8,33	418.858	2.144
4	SGO	1,50	7,14	1.014.600	1.522
5	CTP	15,30	6,99	257.500	3.829
6	SVN	3,10	6,90	1.528.500	4.559
7	PVX	2,30	4,55	699.157	1.592
8	PGS	18,10	2,84	594.478	10.674
9	MAC	9,00	2,27	208.319	1.862
10	SHS	6,70	1,52	696.500	4.619

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FID	2,00	(9,09)	225.000	459
2	KSK	1,20	(7,69)	379.822	460
3	TVC	12,50	(5,30)	1.570.000	20.712
4	ACM	1,90	(5,00)	750.300	1.426
5	SPI	2,40	(4,00)	299.500	745
6	DPS	2,70	(3,57)	353.886	957
7	KLF	2,80	(3,45)	3.598.187	10.208
8	CTS	8,20	(2,38)	216.318	1.789
9	NHP	4,30	(2,27)	213.400	917
10	NDN	9,00	(2,17)	616.848	5.576

Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HPG	1.641.510	69.602.910	112.738.938	35,62
2	VNM	163.790	21.329.740	672.237.249	53,69
3	ROS	73.300	12.480.840	209.550.960	0,27
4	HSG	193.310	9.122.010	39.296.747	29,01
5	CII	133.050	5.080.490	28.306.467	59,70
6	HBC	66.200	3.290.370	26.322.528	21,42
7	PC1	73.360	2.862.910	20.011.859	22,41
8	HCM	90.000	2.858.850	524.407	48,60
9	DMC	25.500	2.039.250	14.735.121	57,57
10	NT2	59.210	1.768.420	77.937.209	21,64

Top bán ròng giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	DXG	(4.039.120)	(74.012.030)	44.227.967	31,52
2	VJC	(214.100)	(27.817.420)	13.730.103	25,42
3	VIC	(565.840)	(25.026.120)	500.149.439	10,04
4	CTD	(40.430)	(7.844.900)	5.291.575	42,13
5	VCB	(191.500)	(7.183.630)	327.943.556	20,88
6	GAS	(121.220)	(6.770.020)	886.075.522	2,73
7	HT1	(219.290)	(4.405.270)	148.777.466	10,01
8	LIX	(78.290)	(3.996.970)	7.585.429	25,59
9	GTN	(180.040)	(3.986.220)	120.607.547	51,76
10	ITA	(812.560)	(3.439.690)	328.733.925	9,78

Top mua ròng giá trị tại HNX

STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVS	338.700	5.940.090	94.470.757	27,85
2	DBC	124.900	4.251.360	16.549.568	27,02
3	SHS	338.100	2.245.760	36.933.434	12,07
4	VND	159.500	2.078.650	3.258.427	46,90
5	CVT	31.700	1.838.300	17.717.626	-
6	VC3	42.000	1.684.200	10.651.623	0,58
7	TNG	100.000	1.426.400	9.479.810	21,17
8	VKC	102.100	1.387.750	5.372.507	22,14
9	HKB	275.000	1.312.320	24.932.989	0,68
10	INN	21.200	1.123.490	4.014.154	11,83

Top bán ròng gái trị tại HNX

STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PGS	(56.000)	(1.000.460)	15.313.932	18,37
2	VCG	(33.500)	(537.050)	179.780.137	8,30
3	NTP	(6.100)	(436.030)	11.599.706	33,40
4	LHC	(3.000)	(201.600)	801.907	26,72
5	MAS	(1.900)	(199.430)	989.545	16,11
6	SHB	(38.857)	(198.142)	203.631.071	10,03
7	CAP	(5.000)	(170.400)	2.046.876	6,00
8	PMS	(5.400)	(154.750)	1.851.042	23,39
9	VCS	-900	(138.060)	28.004.705	2,33
10	VGC	(8.000)	(109.780)	65.012.738	-

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	17.321,30	1%	0,27%	-2,00%	15,82	0,68	4,25%	1,89%	-7,74%	-5,56%
Nguyên vật liệu	148.290,24	7%	-0,18%	1,23%	9,60	1,90	17,40%	9,47%	5,20%	14,85%
Công nghiệp	424.718,05	19%	0,35%	6,99%	20,55	5,04	15,58%	7,40%	15,59%	21,72%
Hàng Tiêu dùng	588.433,81	26%	-0,61%	-1,83%	18,82	6,71	29,81%	20,14%	15,63%	33,62%
Dược phẩm và Y tế	29.936,29	1%	-0,60%	2,73%	23,45	3,09	21,82%	14,15%	11,23%	39,71%
Dịch vụ Tiêu dùng	140.799,19	6%	-0,18%	-3,47%	17,86	5,13	36,15%	9,55%	23,14%	6,64%
Viễn thông	14.059,05	1%	-2,50%	0,52%	13,76	4,22	29,75%	10,93%	14,38%	44,37%
Tiện ích Cộng đồng	160.275,22	7%	-1,09%	-4,43%	12,42	2,31	16,02%	10,70%	14,75%	23,76%
Tài chính	344.050,02	15%	0,12%	5,51%	24,53	2,92	9,53%	3,12%	16,02%	31,88%
Ngân hàng	356.457,55	16%	-0,67%	-1,91%	13,62	1,75	11,96%	0,77%	22,97%	52,09%
CNTT	27.581,97	1%	0,59%	3,30%	10,87	1,97	16,40%	6,67%	5,98%	20,09%

Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.464	20,10	1.451.415.315	43,16%	32,89%	188.538,85
2	SAB	SABECO	6.978	30,24	641.281.186	33,86%	21,92%	135.310,33
3	VCB	Vietcombank	1.897	19,77	3.597.768.575	14,50%	0,93%	134.916,32
4	VIC	VinGroup	591	74,77	2.637.707.954	3,78%	0,96%	116.586,69
5	GAS	PV Gas	3.704	15,07	1.913.348.070	16,90%	12,46%	106.764,82
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.021	167,61	430.000.000	10,38%	6,60%	73.616,00
7	CTG	VIETINBANK	1.828	9,96	3.723.404.556	11,48%	0,79%	67.765,96
8	BID	BIDV	1.802	9,19	3.418.715.334	14,74%	0,66%	56.579,74
9	MSN	Tập đoàn Masan	2.472	16,89	1.138.262.164	11,77%	3,85%	47.522,45
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1.980	29,84	680.471.434	9,94%	2,05%	40.215,86

Top vốn hóa cao nhất HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.344	17,63	985.901.288	9,87%	0,61%	23.365,86
2	VCS	VCS STONE	12.009	12,77	60.000.000	55,28%	22,09%	9.204,00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.210	8,01	446.700.421	8,38%	3,80%	7.906,60
4	VCG	VINACONEX	1.078	14,84	441.710.673	6,44%	2,21%	7.067,37
5	SHB	SHB	921	5,54	1.119.192.914	7,66%	0,43%	5.707,88
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2.424	10,03	222.487.267	7,96%	3,36%	5.406,44
7	PHP	Cảng Hải Phòng	1.411	11,55	326.960.000	11,35%	8,44%	5.329,45
8	NTP	Nhựa Tiền Phong	5.346	13,34	74.367.307	22,38%	11,90%	5.302,39
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.727	8,05	307.000.000	12,74%	3,95%	4.267,30
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	13,39	131.075.937	8,87%	3,74%	3.211,36

Top vốn hóa cao nhất UPCOM

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1.002	51,90	2.177.173.236	8,33%	3,86%	113.189,06
2	HVN	Vietnam Airlines	2.480	13,00	1.227.533.778	17,54%	2,69%	39.569,55
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5.165	13,49	538.160.117	21,66%	15,32%	37.509,76
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.566	16,35	187.549.373	43,22%	24,93%	23.194,79
5	FOX	FPT Telecom	6.697	14,43	137.048.594	30,82%	11,12%	13.241,09
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	102,28	703.544.898	0,94%	0,41%	10.985,85
7	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	231,00	166.604.050	2,58%	2,56%	10.261,81
8	VIB	VIBBank	900	19,43	564.440.589	6,47%	0,59%	9.869,81
9	DTK	Vinacomin Power	21	656,35	680.000.000	0,23%	0,05%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157,71	107.299.000	-6,29%	-4,85%	8.691,22

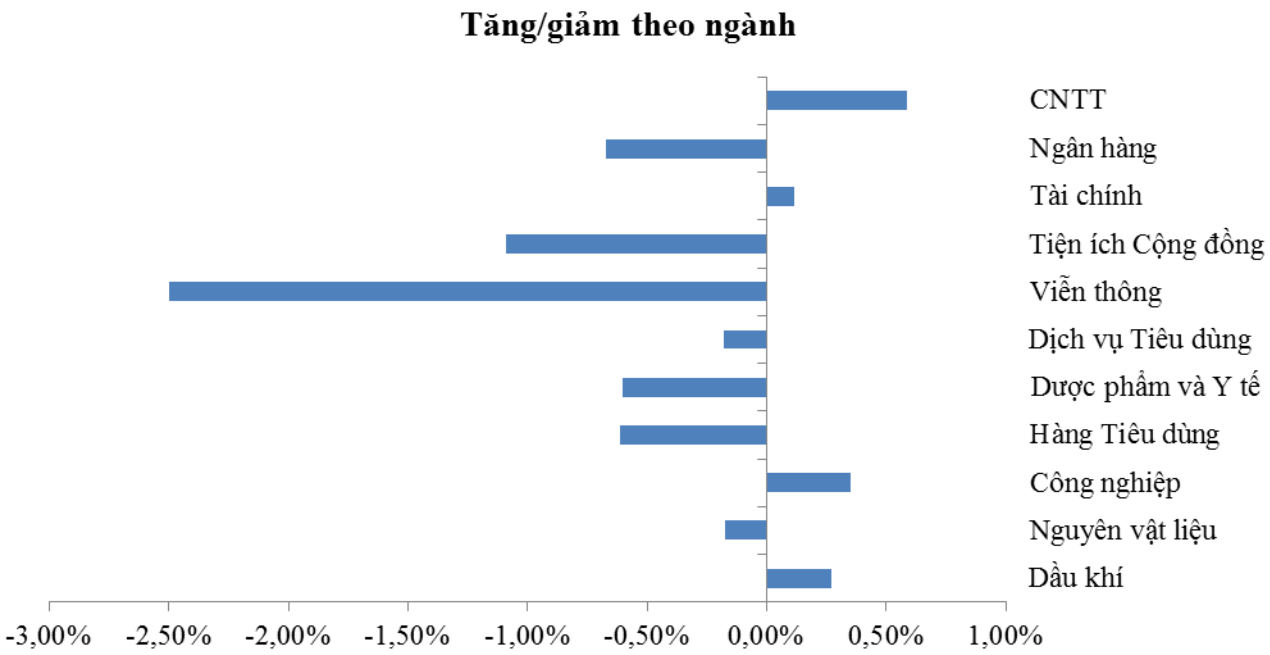
Tăng/giảm theo ngành
CNTT
Ngân hàng
Tài chính
Tiện ích Cộng đồng
Viễn thông
Dịch vụ Tiêu dùng
Dược phẩm và Y tế
Hàng Tiêu dùng
Công nghiệp
Nguyên vật liệu
Dầu khí
-3,00%
-2,50%
-2,00%
-1,50%
-1,00%
-0,50%
0,00%
0,50%
1,00%

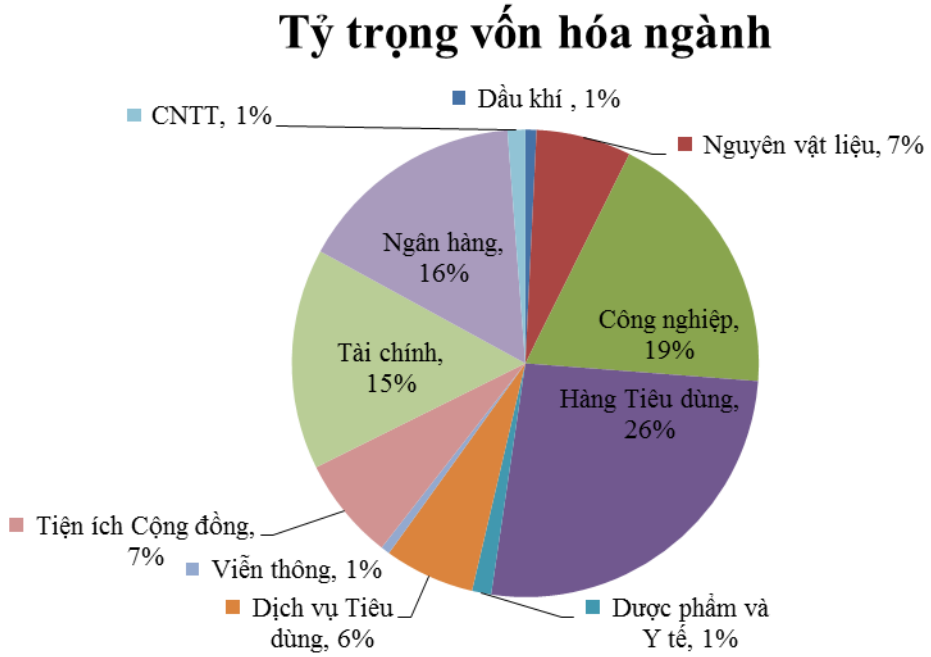
Tỷ trọng vốn hóa ngành
Dầu khí , 1%
CNTT, 1%
Nguyên vật liệu, 7%
Ngân hàng, 16%
Công nghiệp, 19%
Tài chính, 15%
Hàng Tiêu dùng, 26%
Tiện ích Cộng đồng, 7%
Viễn thông, 1%
Dịch vụ Tiêu dùng, 6%
Dược phẩm và Y tế, 1%

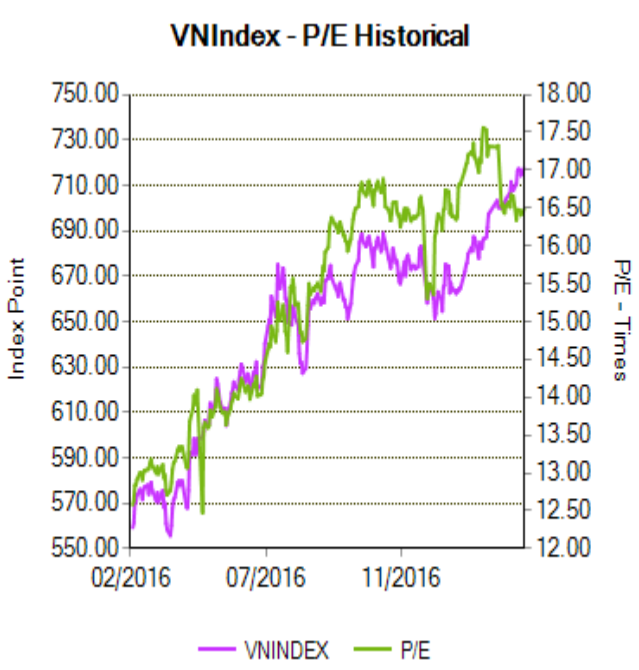

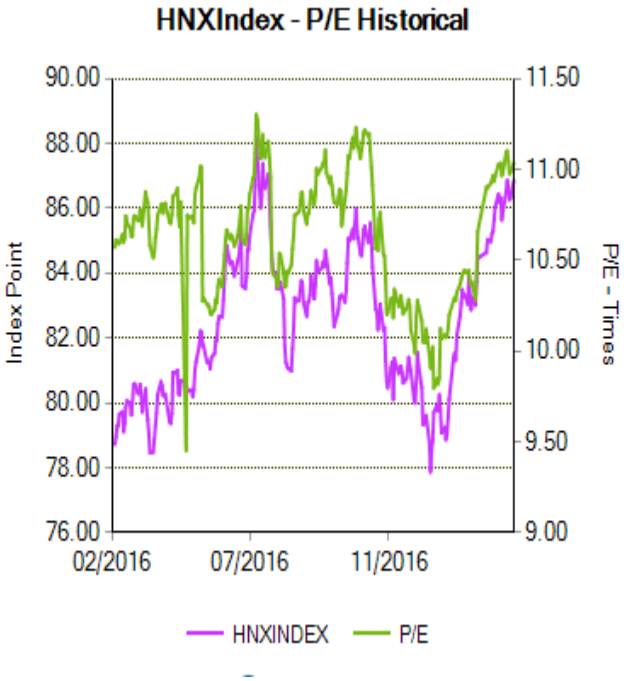

MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin màBMSC cho là đáng tin cây. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này.Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này.Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC.Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳtrường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: https://www.bmsc.com.vn – Email: info@bmsc.com.vn